Ký bởi Ủy ban Nhân dân huyện Ninh Phước
Tỉnh Ninh Thuận
ubnd_np@ninhthuan.gov.vn
Giờ ký: 2021.11.19 15:49:03 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4345/UBND-NC V/v kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021.	*Ninh Phước, ngày 19 tháng 11 năm 2021*

Kính gửi:
- Hội đồng nhân dân huyện;
- Các cơ quan, Ban, ngành thuộc huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Các tổ chức Chính trị XH; các Hội đặc thù.

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 16/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020.

Căn cứ khoản 1, 2, 3 Điều 34 và khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về đối tượng kê khai tài sản, thu nhập (bao gồm kê khai bổ sung và kê khai hàng năm), cụ thể như sau:

I. Đối tượng và phương thức kê khai:

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018)

1. Cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.

3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Phương thức và thời điểm kê khai tài sản, thu nhập bổ sung, hàng năm (tại khoản 2, khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018).

2. Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

a) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12;

b) Người không thuộc quy định tại điểm a khoản này làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.

3. Người có nghĩa vụ kê khai hằng năm (tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ).

"Người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng bao gồm:

1. Các ngạch công chức và chức danh sau đây:

a) Chấp hành viên;

b) Điều tra viên;

c) Kế toán viên;

d) Kiểm lâm viên;

đ) Kiểm sát viên;

e) Kiểm soát viên ngân hàng;

g) Kiểm soát viên thị trường;

h) Kiểm toán viên;

i) Kiểm tra viên của Đảng;

k) Kiểm tra viên hải quan;

l) Kiểm tra viên thuế;

m) Thanh tra viên;

n) Thẩm phán.

2. Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp."

4. Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (tại Điều 9 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ).

"1. Việc kê khai lần đầu, kê khai hằng năm và kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và Hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I được ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Việc kê khai bổ sung được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai bổ sung tại Phụ lục II được ban hành kèm theo Nghị định này."

II. Từ các cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; các tổ chức Chính trị xã hội; các Hội đặc thù triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021 theo quy định.

2. Báo cáo kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập và nộp bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021 về Ủy ban nhân dân huyện theo biểu mẫu báo cáo gửi kèm theo, đúng thời gian quy định.

3. Thực hiện theo các nội dung hướng dẫn sau:

a) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Khoản 2 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

b) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

c) Mẫu bản kê khai và việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

d) Đối với các cơ quan, Ban, ngành, UBND các xã, thị trấn, các Hội đặc thù sau khi thực hiện kê khai theo quy định nêu trên, kê khai thành 03 bản, trong đó: 01 bản lưu hồ sơ cán bộ nơi cơ quan công tác; 02 bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (bản gốc) và kèm báo cáo kết quả gửi về Thanh tra huyện.

đ) Đề nghị Hội đồng nhân dân các cấp (huyện, xã) sau khi thực hiện xong việc kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung của năm 2021, đề nghị tổng hợp lập danh sách kèm theo Bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (bản gốc) gửi về Ủy ban nhân dân cùng cấp để tổng hợp báo cáo kết quả gửi về Thanh tra huyện theo quy định.

e) Do Ủy ban nhân dân huyện là cơ quan tổng hợp chung về kê khai tài sản, thu nhập trên địa bàn. Đề nghị các cơ quan, ban, ngành của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội gửi bảng tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm về Thanh tra huyện **(không nộp bản kê khai)** để Thanh tra huyện tổng hợp chung gửi kết quả về Thanh tra tỉnh.

g) Thời gian:

- Việc kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm thực hiện phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Thời gian báo cáo và nộp bản kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2021 về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Thanh tra huyện) **chậm nhất là ngày 15/12/2021.**

5. Giao Thanh tra huyện có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền trong phạm vi quản lý của huyện; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập bổ sung của năm 2021 trên địa bàn huyện gửi về Thanh tra tỉnh đúng thời gian quy định.

(gửi kèm theo mẫu báo cáo kết quả, 01 mẫu kê khai hàng năm, 01 mẫu kê khai bổ sung, 01 hướng dẫn kê khai tài sản thu, nhập, 01 phụ lục III)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Các Ban Đảng thuộc Huyện uỷ;
- Lưu: VT, Thanh tra huyện.

CHỦ TỊCH

Bạch Văn Nguyên

Phụ lục III

DANH MỤC NGƯỜI PHẢI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 10 NGHỊ ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)

---

1. Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Tổ chức tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

3. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

4. Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

5. Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp.

6. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

7. Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo.

8. Quản lý các đối tượng nộp thuế.

9. Thu thuế, kiểm soát thuế, hoàn thuế, quyết toán thuế, quản lý và cấp phát ấn chỉ.

10. Kiểm hóa hàng hóa xuất nhập khẩu.

11. Thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

12. Cấp giấy phép hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng.

13. Thẩm định, quyết định cấp tín dụng tại các ngân hàng có vốn chi phối của nhà nước.

14. Xử lý công nợ, các khoản nợ xấu; hoạt động mua và bán nợ; thẩm định, định giá trong đấu giá.

15. Cấp phát tiền, hàng thuộc Kho bạc nhà nước và dự trữ quốc gia.

16. Thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

17. Cấp giấy phép hoạt động ngoại hối, kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

18. Giám sát hoạt động ngân hàng.

19. Cấp giấy phép liên quan đến xuất nhập khẩu, dịch vụ thương mại.

20. Cấp giấy phép liên quan đến việc bảo đảm tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

21. Quản lý thị trường.

22. Cấp giấy phép trong lĩnh vực xây dựng.

23. Thẩm định dự án xây dựng.

24. Quản lý quy hoạch xây dựng.

25. Quản lý, giám sát chất lượng các công trình xây dựng.

26. Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch.

27. Cấp chứng chỉ năng lực đối với tổ chức hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân hoạt động xây dựng, giấy phép hoạt động đối với nhà thầu nước ngoài.

28. Giám định kỹ thuật, quản lý các công trình giao thông.

29. Đăng kiểm các loại phương tiện giao thông.

30. Sát hạch, cấp giấy phép cho người điều khiển phương tiện giao thông.

31. Cấp giấy chứng nhận vệ sinh, an toàn thực phẩm.

32. Cấp giấy chứng nhận hành nghề y, dược.

33. Cấp giấy phép, giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

34. Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc tân dược.

35. Cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất diệt côn trùng, khử trùng.

36. Cấp giấy chứng nhận nhập khẩu mỹ phẩm.

37. Kiểm định tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.

38. Quản lý, giám sát, cung ứng các loại thuốc; dược liệu, dụng cụ, thiết bị vật tư y tế; các loại sản phẩm màu liên quan đến việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe con người và lợi ích xã hội.

39. Thẩm định và định giá các loại thuốc tân dược.

40. Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

41. Cấp giấy phép công nhận cơ sở lưu trú du lịch.

42. Cấp giấy phép công nhận di tích lịch sử xếp hạng cấp quốc gia.

43. Cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ.

44. Cấp giấy phép đưa di vật, cổ vật ra nước ngoài.

45. Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

46. Cấp giấy phép xuất nhập khẩu và phổ biến các ấn phẩm văn hóa.

47. Thẩm định hồ sơ công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.

48. Thẩm định và cấp giấy phép chương trình, tiết mục, vở diễn của các tổ chức cá nhân Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn tại Việt Nam.

49. Thẩm định, trình phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật.

50. Trình phê duyệt hoặc thỏa thuận việc xây dựng các công trình ở khu vực bảo vệ II đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt.

51. Cấp giấy phép hoạt động về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí và xuất bản.

52. Cấp giấy phép hoạt động, cấp và phân bổ tài nguyên trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

53. Quản lý các chương trình quảng cáo trên các phương tiện phát thanh, truyền hình, trên Internet.

54. Phân bổ, thẩm định, quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.

55. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

56. Cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

57. Cấp giấy phép xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại.

58. Cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

59. Cấp giấy phép về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

60. Xử lý hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.

61. Giao hạn mức đất; mức bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng.

62. Xử lý vi phạm hành chính về môi trường.

63. Thẩm định, lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát, điều phối, đền bù, giải phóng mặt bằng.

64. Quản lý động vật thuộc danh mục quý hiếm.

65. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

66. Quản lý thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật.

67. Theo dõi, quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh, thú y, thủy sản.

68. Thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư.

69. Thẩm định dự án.

70. Đấu thầu.

71. Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn.

72. Quản lý quy hoạch.

73. Quản lý khu công nghiệp - khu chế xuất.

74. Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

75. Quản lý ODA.

76. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ lãnh sự, cấp visa, quản lý xuất, nhập cảnh.

77. Tiếp nhận và giải quyết việc đăng ký kết hôn, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài; đăng ký giao dịch bảo đảm.

78. Tiếp nhận và giải quyết việc cải chính hộ tịch; lý lịch tư pháp.

79. Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

80. Cấp giấy phép thành lập các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề; phân bổ chỉ tiêu, kinh phí dạy nghề.

81. Thực hiện chính sách đối với người có công; bảo trợ xã hội.

82. Hợp tác, trao đổi khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài.

83. Thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký trong quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

84. Thẩm định, giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư.

85. Thẩm định, tư vấn cấp các văn bằng sở hữu trí tuệ.

86. Phân bổ, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

87. Tuyển sinh vào các trường công lập.

88. Phân bổ chỉ tiêu đào tạo đại học, sau đại học và chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài.

89. Thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

90. Thẩm định sách giáo khoa, giáo cụ giảng dạy, các vật tư kỹ thuật khác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

91. Thẩm định hồ sơ thành lập các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

92. Quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

93. Dạy nghề và giới thiệu việc làm.

94. Quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học.

95. Kiểm soát cửa khẩu.

96. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý về an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt.

97. Đăng ký và cấp biển số các loại phương tiện giao thông đường bộ; tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý về an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt.

98. Thẩm tra phê duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kiểm tra an toàn phòng cháy.

99. Giám thị, quản giáo tại các trại giam, trại tạm giam và các cơ sở giáo dục bắt buộc.

100. Đăng ký, quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

101. Thủ quỹ, kế toán.

102. Người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng, tài chính.

103. Trợ lý chính sách Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

104. Trợ lý quân lực, Trợ lý cán bộ cấp Trung đoàn trở lên.

105. Trợ lý quản lý học viên, tuyển sinh, chính sách, bảo hiểm của các nhà trường.